TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2026/HS-ST
Ngày: 05/02/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Ông Trần Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Thảo Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Kim Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2026/HSST, ngày 06 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Liêu Trọng N; Giới tính: N1, sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú: Số A đường N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi ở hiện tại: Căn hộ 523 C4 Chung cư E, đường V, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (hiện nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Liêu Văn H và bà Trương Ngọc H1; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ là Lê Thị Thùy Dungị Thùy D, có 01 con sinh năm 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giam ngày 30/4/2025; (có mặt).

Bị hại: Ông LI KECHENG; Giới tính: Nam, sinh năm 1995; Quốc tịch: Trung Quốc; Nơi ở tại Việt Nam: CH 202 Khách sạn C - C đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 27 tháng 04 năm 2025, Liêu Trọng N điều khiển xe mô tô biển số 54X9-0800 đi từ nhà chung cư E H, đường V, phường L,

Thành phố Hồ Chí Minh đến quán bán đồ ăn tại hẻm S đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đi đến gần trạm xe buýt tại địa chỉ số C đường N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh, N thấy người đàn ông (ông LI K) đang ngồi sử dụng điện thoại di động tại trạm xe buýt, N nảy sinh ý định cướp giật điện thoại của ông L KECHENG để bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. N điều khiển xe đến ngã tư N, Nguyễn Văn L1 rồi vòng xe lại 02 vòng, sau đó chạy ngược chiều áp sát vào ông L KECHENG đang ngồi bấm điện thoại. N thấy ông L KECHENG đang cầm hai chiếc điện thoại di động trên 02 tay, trong đó có một điện thoại di động màu cam nên N dùng tay trái giật lấy chiếc điện thoại màu cam bên tay trái của ông LI KECHENG rồi tăng ga bỏ chạy. Khi chạy đến chỗ gần cây xăng đường N thì N dừng lại mở cốp xe, rồi bỏ điện thoại giật được vào trong cốp xe. N tiếp tục điều khiển xe máy đến hẻm S đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, tại đây N lấy điện thoại vừa cướp giật được ra xem, tháo ốp lưng điện thoại ra thì N thấy điện thoại màu đen, không nhìn thấy nhãn hiệu điện thoại trên máy, N tắt nguồn rồi gắn ốp lưng vào thì phát hiện trong ốp lưng có số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng gồm 4 tờ tiền mệnh giá 500.000 (năm trăm ngàn) đồng. N lấy tiền bỏ vào túi và mang điện thoại ra bỏ lại vào cốp xe máy, sau đó N đi đến tiệm T1 tại số G đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh của chị Nguyễn Ngọc S để nhờ chuyển tiền vào tài khoản của N số 0937993383 mở tại Ngân hàng M số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng. Sau đó N tiếp tục buôn bán đến khoảng 2 giờ sáng ngày 28 tháng 04 năm 2025 thì dọn dẹp rồi điều khiển xe máy về nhà. Về đến nhà N lấy điện thoại cướp giật được, mở máy điện thoại lên thì thấy hiện nhãn hiệu là H2, N để chiếc điện thoại trên đầu giường rồi đi ngủ. Đến khoảng hơn 15 giờ ngày 28 tháng 4 năm 2025 N điều khiển xe mô tô biển số 54X9-0800 để đi bán đồ ăn thì bị Cơ quan Công an kiểm tra và mời về trụ sở làm việc.

Tại bản cáo trạng số 247/CT-VKS, ngày 31/12/2025 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Liêu Trọng N về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà:

Bị cáo Liêu Trọng N khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo. Cụ thể, do cha bị cáo bị bệnh nên bị cáo đã vay tiền bên ngoài, đến nay không có tiền để trả nợ lãi nên bị cáo đã nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người khác. Ngày 27/4/2025, bị cáo điều khiển xe máy biển số 54X9-0800 đi đến gần trạm xe buýt tại địa chỉ số C đường N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh và phát hiện một người đàn ông đang ngồi sử dụng điện thoại di động tại Trạm xe buýt. Bị cáo vòng xe lại 02 lần rồi sau đó chạy ngược chiều áp sát bị hại, dùng trái giật điện thoại di động của bị hại rồi tăng ga bỏ chạy. Bị cáo phát hiện trong ốp lưng điện thoại có 2.000.000 đồng nên đã sử dụng để tiêu xài cá nhân còn điện thoại bị cáo mang về nhà. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã giao nộp lại điện thoại.

Bị cáo Liêu Trọng N xác định Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội; Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại là ông LI KECHENG; Quốc tịch: Trung Quốc đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, hiện ông LI KECHENG đã về nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm của vụ án cho rằng: Đây là vụ án "Cướp giật tài sản" do Liêu Trọng N thực hiện. Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 27 tháng 04 năm 2025 tại địa chỉ số C đường N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh, N đã có hành vi điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều áp sát dùng tay trái giật lấy chiếc điện thoại màu cam trị giá 866.670 (tám trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi) đồng và số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng trong ốp lưng điện thoại. Như vậy tổng số tiền bị cáo N chiếm đoạt là 2.866.670 (hai triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi) đồng của ông L KECHENG rồi tăng ga bỏ chạy. Hành vi của N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên phải bị truy tố ra trước pháp luật.

Vì vậy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Liêu Trọng N như cáo trạng đã thể hiện. Sau khi nêu lên hậu quả do bị cáo gây nên, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Liêu Trọng N từ 03 năm đến 04 năm tù. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh còn đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, (hiện nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7) - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên toà, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản cáo trạng, bị cáo Liêu Trọng N đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của nhân chứng, tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 27 tháng 4 năm 2025, tại khu vực trạm xe buýt trước địa chỉ số C đường N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Liêu Trọng N đã có hành vi điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 54X9-0800 áp sát ông LI KECHENG khi ông đang ngồi sử dụng điện thoại di động rồi giằng giật tài sản là điện thoại di động của ông LI KECHENG rồi nhanh chóng tăng ga tẩu thoát.

Tài sản bị chiếm đoạt là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei (màu đen, có ốp lưng màu cam) có trị giá là 866.670 (tám trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi) đồng và 2.000.000 (hai triệu) đồng bên trong ốp lưng điện thoại. Như vậy tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 2.866.670 (hai triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi) đồng của ông L KECHENG.

Với hành vi sử dụng xe gắn máy chạy với tốc độ cao, giằng giật tài sản của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Liêu Trọng N về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo Liêu Trọng Nghĩa L2 rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã sử dụng xe mô tô - là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện gây án, thực hiện hành vi chạy ngược chiều và giật tài sản, hành vi này không chỉ gây thiệt hại về tài sản mà còn tiềm ẩn nguy cơ gây tai nạn, đe dọa trực tiếp đến tính mạng và sức khỏe của người bị hại cũng như những người khác đang tham gia giao thông. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhận thức rõ được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Để giữ gìn kỷ cương pháp luật, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng và chống các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu, cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Bản án đối với bị cáo phải có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời mang tính răn đe và làm gương cho những người khác trong cộng đồng.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành thật khai báo, thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu. Bên cạnh đó, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi để trả lại cho phía bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Hội đồng xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông LI KECHENG; Quốc tịch: Trung Quốc đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Liêu Trọng N.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 54X9-0800 do chị Phạm Thị Thanh T đứng tên chủ sở hữu. Chị T là người đã bán xe mô tô hiệu Honda Airblade BKS 54X9-0800 cho N vào năm 2024 với giá 4.000.000 đồng. Việc mua bán xe giữa chị T và N không viết giấy tờ mua bán, N đã trả cho chị T 4.000.000 đồng, chị T giao xe và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 024821 cho N. Sau khi bán chiếc xe trên cho N thì chị T không biết việc N sử dụng xe trên để thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản" – Đây là công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí bản án theo Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét lời luận tội của của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự phù hợp quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Liêu Trọng N 03 (ba) năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn tù được tính từ ngày 30/4/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

2. Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào quỹ Nhà nước: 01 (một) xe moto biển số 54X9-0800; Số khung: RLHJF18028Y763907; Số máy: JF18E-5371010; tình trạng: đã qua sử dụng.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 356/PNK ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Liêu Trọng N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Bị cáo Liêu Trọng N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP HCM;
- Công an TP. HCM;
- VKS KV7-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã đóng dấu và ký tên)

Nguyễn Mạnh Hùng